

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/DS-ST.

Ngày: 22-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Loan

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 18 và 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng góp hụi. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2023/QĐXXST – DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1984 (vắng mặt) và bà Phạm Thị D, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Minh H1 (T)

Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Nguyên vào năm 2019 ông Nguyễn Thanh H có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Chúc L làm chủ hụi và đứng ra kêu hụi, ông H tham gia gồm dây hụi như sau:

Dây hụi 1: Hụi 3.000.000 đồng (Hụi tháng) khai vào ngày 20/03/2019 dương lịch, mỗi tháng khai một lần, dây hụi này có 33 phần, ông H tham gia 01 phần, tên trong danh sách chơi hụi là “NHIÊN” là tên vợ ông H, dây hụi này vẫn chưa mãn, cụ thể:

Ở dây hụi này ông H đã đóng hụi sống đến lần thứ 11, đến lần khai hụi thứ 12 thì ông H hốt hụi, sau khi ông H hốt hụi thì ông H đóng hụi chết cho bà Chúc L đến lần thứ 24 thì bà Chúc L không gom tiền nữa, nên ở dây hụi này ông H còn nợ bà Chúc L là 09 lần hụi chết là: $09 \text{ lần} \times 3.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ phần} = 27.000.000 \text{ đồng}$.

Dây hụi 2: Hụi 5.000.000 đồng (Hụi tháng) khai vào ngày 15/04/2019 dương lịch, mỗi tháng khai một lần, dây hụi này có 31 phần, ông H tham gia 01 phần, tên trong danh sách chơi hụi là “NHIÊN”, cụ thể như sau:

Ở dây hụi này ông H đã đóng hụi sống đến lần thứ 23, đến lần khai hụi thứ 24 thì bà Chúc L đột nhiên ngưng hụi, không tiếp tục khai nữa có nghĩa là nghỉ chơi, ở dây hụi này không phải do ông H không tiếp tục đóng mà lỗi do bà L không tiếp tục khai nữa, nên bà L phải tính cho ông H mỗi lần hụi sống là 5.000.000 đồng, cụ thể: $5.000.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ lần} \times 01 \text{ phần} = 115.000.000 \text{ đồng}$ (Một trăm mười lăm triệu đồng)

Dây hụi 3: Hụi 5.000.000 đồng (Hụi tháng) khai vào ngày 15/02/2020 dương lịch, mỗi tháng khai một lần, dây hụi này có 31 phần, ông H tham gia 01 phần, tên trong danh sách chơi hụi là “NHIÊN”, cụ thể như sau:

Ở dây hụi này ông H đã đóng hụi sống đến lần thứ 13, đến lần khai hụi thứ 14 thì bà Chúc L đột nhiên ngưng hụi, không tiếp tục khai nữa có nghĩa là nghỉ chơi, ở dây hụi này không phải do ông H không tiếp tục đóng mà lỗi do bà L không tiếp tục khai nữa, nên bà L phải tính cho ông H mỗi lần hụi sống là 5.000.000 đồng, cụ thể: $5.000.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ lần} \times 01 \text{ phần} = 65.000.000 \text{ đồng}$ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Sau khi ngưng hụi thì bà Chúc L có hứa sẽ trả tiền cho ông H hai dây hụi mà ông H chưa hốt, sau đó bà Chúc L trả được cho ông H 04 lần, tổng cộng là: 14.000.000 đồng, và sau đó bà Chúc L không trả nữa:

Tổng cộng bà chúc L còn nợ ông H là: (115.000.000 đồng (dây hui 02) + 65.000.000 đồng (dây hui 03)) - 27.000.000 đồng (tiền hui chết dây hui 01) + 14.000.000 đồng (bà Chúc L trả dần) = 139.000.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu đồng)

Ông H đã nhiều lần yêu cầu bà Chúc L và ông Võ Minh H1 là chồng bà Chúc L có biết sự việc này để trả tiền nhưng vợ chồng bà Chúc L không đồng ý, sau đó ông H có làm đơn yêu cầu đến Ban N để yêu cầu hòa giải và Ban N có tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với dây hui mở ngày 15/4/2019 yêu cầu bà L trả lại phần tiền mà ông H đã đóng cho bà L là 64.470.000 đồng và tiền lãi là 29.257.192 đồng, đối với dây hui mở ngày 10/02/2020 ông H đã đóng hui cho bà L là 36.850.000 đồng và tiền lãi là 13.653.832 đồng. Do ông H còn nợ hui bà L số tiền 27.000.000 đồng và bà L đã trả được 14.000.000 đồng nên khi khấu trừ thì ông H yêu cầu bà L trả số tiền còn nợ là 103.231.024 đồng.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Chúc L trình bày:

Bà L thừa nhận bà có đứng ra làm chủ hui và ông H có tham gia các dây hui như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Cụ thể dây hui mở ngày 20/3/2019 ông H còn nợ 27.000.000 đồng. Dây hui mở ngày 15/04/2019 ông H đã đóng hui được 23 kỳ với số tiền là 64.470.000 đồng. Dây hui mở ngày 10/02/2020 ông H đã đóng hui được 13 kỳ với số tiền là 36.850.000 đồng. Do thấy các thành viên trong dây hui đưa ra số tiền thấp để được hốt hui nên bà L mới ngưng hui và hiện nay các thành viên chơi hui đã hốt hui bỏ địa phương đi nên bà L không thu hồi tiền được.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn, bà L đồng ý trả lại tiền mà ông H theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn với số tiền là 103.231.024 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, nợ nhiều người nên xin trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

3/ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh H1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho ông H1 biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và gửi thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H1 nhưng ông H1 không có văn bản trả lời, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh H1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên có bà Phạm Thị D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa (theo nội dung ủy quyền của nguyên đơn thì ông Ú và bà D có quyền thay thế nhau để đại diện và nhân danh ông H tham gia giải quyết vụ án). Do đó căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền hội, đồng thời bị đơn có nơi cư trú ở xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Chúc L và ông Võ Minh H1 cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền hội tổng cộng là 103.231.024 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn bà L thống nhất với số tiền ông H nợ tiền hội bà L là 27.000.000 đồng, thống nhất số tiền mà ông H đóng hội cho bà L ở hai dây hội và thống nhất còn nợ ông H với số tiền 103.231.024 đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn H yêu cầu bị đơn Chúc L và ông H1 liên đới trả số tiền hội còn nợ là 103.231.024 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng đối với số tiền gốc mà ông H đã đóng cho bà L thì bà L đã thừa nhận có đóng số tiền trên. Đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu không vượt quá 20%/năm, phù hợp với Điều 471 của Bộ luật dân sự và Điều 21 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Họ, hội, biểu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa bị đơn bà L cho rằng khi bà L làm chủ hội thì ông Võ Minh H1 là chồng bà L biết bà L làm chủ hội, số tiền có được bà L cũng lo cho cuộc sống

gia đình, đồng thời Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông H1 nhưng ông H1 không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử buộc ông H1 có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả số tiền trên cho ông H.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Chúc L cùng ông Võ Minh H1 trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H số tiền là 103.231.024 đồng.

[3] Bị đơn Chúc L yêu cầu trả mỗi tháng 1.500.000 đồng, phía nguyên đơn không đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà L và ông H1 cùng phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.161.551 đồng theo khoản 2, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 21 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Hộ, hội, biểu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H

Buộc bà Nguyễn Thị Chúc L và ông Võ Minh H1 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền nợ là 103.231.024 đồng (Một trăm lẻ ba triệu, hai trăm ba mươi một ngàn, không trăm hai mươi bốn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Thanh H thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Chúc L và ông Võ Minh H1 còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/ Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Chúc L và ông Võ Minh H1 cùng có trách nhiệm liên đới chịu số tiền là 5.161.551 đồng.

Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền là 3.475.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009257 do Chi cục thi hành án dân sự thị xã N thu ngày 25/5/2023.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương